

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG RỒNG VÀNG

GIẢI THÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III.2025

I. Thông tin chung về Quỹ

1. Mục tiêu của Quỹ:

Phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

Quỹ GDEGF được cấp phép thành lập ngày 22/07/2025, do đó năm 2025 là kỳ kế toán đầu tiên của Quỹ.

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là -2,4% so với NAV của quỹ từ khi thành lập; thay đổi giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ tại đầu kỳ báo cáo là -2,41%.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:

Gia tăng giá trị tài sản ròng dài hạn và tối ưu hóa lợi nhuận cho các nhà đầu tư dựa trên cơ sở phân tích chuyên sâu, lựa chọn kỹ lưỡng các tài sản có chất lượng tốt cùng với phân bổ danh mục hợp lý cũng như đánh giá thị trường nhằm giảm thiểu rủi ro cho nhà đầu tư. Quỹ ưu tiên đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

Chiến lược đầu tư của Quỹ GDEGF được xây dựng linh hoạt theo từng giai đoạn, dựa trên phân tích vĩ mô, chu kỳ kinh tế, đặc điểm thị trường và từng ngành cụ thể. Quỹ hướng đến mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận dài hạn, đồng thời quản trị rủi ro một cách chủ động, thông qua việc lựa chọn các khoản đầu tư tiềm năng, chất lượng và có khả năng tăng trưởng cao.

4. Phân loại Quỹ: Quỹ công chúng dạng mở

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ: Không có

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ: Ngày 07/08/2025

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo tại ngày 30/09/2025:

- Tổng giá trị tài sản ròng: 49.246.353.725 đồng.

- Số lượng chứng chỉ quỹ: 5.046.019,66 chứng chỉ quỹ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ: Không có chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ: Quỹ phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định), phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ: không có

II. Số liệu hoạt động

1. Cơ cấu tài sản quỹ:

Cơ cấu tài sản quỹ	30/09/2025 (%)	30/09/2024 (%)	30/09/2023 (%)
1.Cổ phiếu	89,84	-	-
2.Tài sản khác	10,16	-	-
Cộng	100	-	-

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:

Chỉ tiêu	30/09/2025	30/09/2024	30/09/2023
2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	49.246.353.725	-	-
2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	5.046.019,66	-	-
2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND)	9.759,45	-	-
2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	10.152,51	-	-
2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	9.720,51	-	-
2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	N/A	-	-
2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	N/A	-	-
2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	N/A	-	-

Chỉ tiêu	30/09/2025	30/09/2024	30/09/2023
2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	-2,41	-	-
2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	N/A	-	-
2.9.2.Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	N/A	-	-
2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	N/A	-	-
2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	N/A	-	-
2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	N/A	-	-
2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	3,73	-	-
2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	239,67	-	-

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
- 1 năm	-	-
- 3 năm	-	-
- Từ khi thành lập	-2,41	-
- Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không có chỉ số tham chiếu	Không có chỉ số tham chiếu

4. Tăng trưởng hàng năm:

Thời kỳ	30/09/2025 (%)	30/09/2024 (%)	30/09/2023 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ	-2,41	-	-

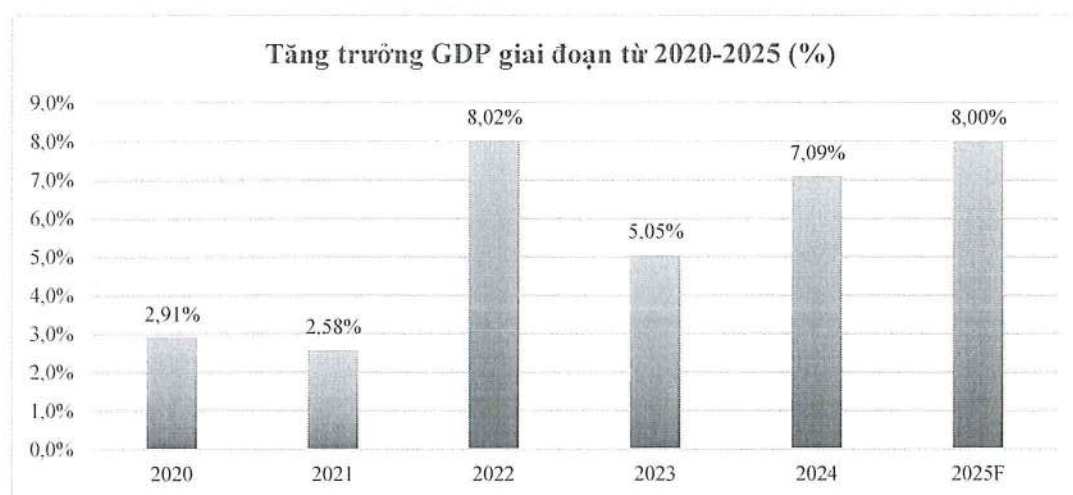
III. Mô tả thị trường trong kỳ:

❖ Kinh tế vĩ mô :

Bức tranh tăng trưởng kinh tế Việt Nam 9T2025 - duy trì đà phục hồi mạnh với cấu trúc cân bằng hơn:

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2025 tăng 7,85% so với cùng kỳ và ước cả năm vượt 8%. Tăng trưởng được hỗ trợ bởi: (i) công nghiệp - xây dựng phục hồi nhờ giải ngân đầu tư công và mở

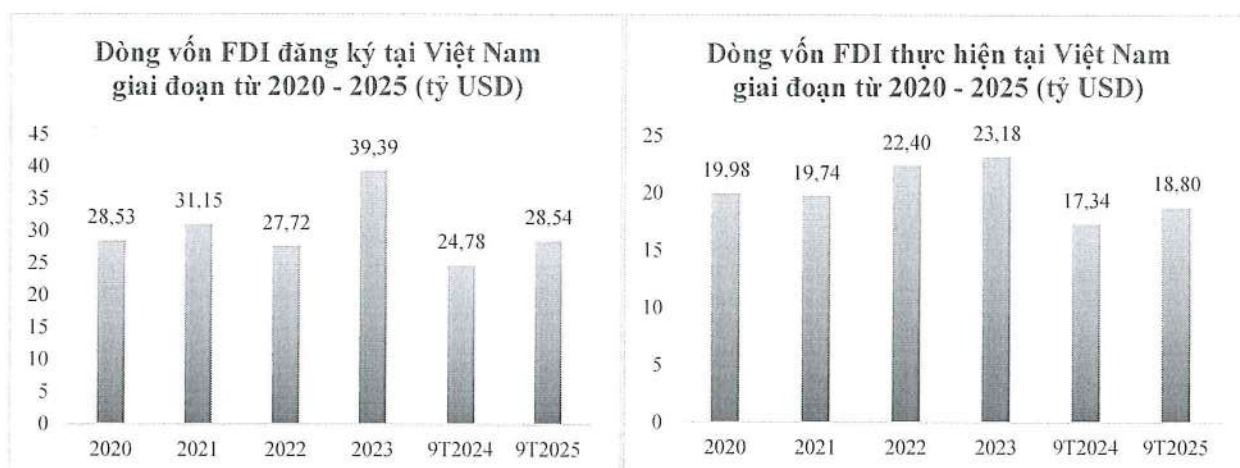
rộng chế biến chế tạo; (ii) dịch vụ tăng tốc dưới tác động của du lịch, bán lẻ và vận tải, kéo tiêu dùng cải thiện; (iii) xuất khẩu khởi sắc, duy trì thặng dư và củng cố cán cân vĩ mô; (iv) tín dụng nói lỏng, ưu tiên sản xuất - kinh doanh, giảm chi phí vốn; (v) đầu tư toàn xã hội và FDI giải ngân tăng, nâng năng lực sản xuất; (vi) thu ngân sách tích cực, mở rộng dư địa tài khóa. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn đối mặt với thách thức từ phụ thuộc gia công, sức cầu nội địa phục hồi chưa vững, cùng rủi ro tỷ giá và thời tiết cực đoan ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng.



Nguồn: FiinPro

FDI 9T2025 - chiều sâu cam kết và mở rộng nền sản xuất:

Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2025 đạt 28,54 tỷ USD, tăng 15,2%yoy; có 2.926 dự án mới tăng 17,4% về số lượng. Vốn điều chỉnh 11,32 tỷ USD tăng 48% phản ánh nhà đầu tư hiện hữu mở rộng công suất; góp vốn mua cổ phần 4,84 tỷ USD tăng 35% cho thấy thị trường M&A trưởng thành hơn. Giải ngân đạt kỷ lục 18,80 tỷ USD, tăng 8,5%, chủ yếu vào chế biến chế tạo với 15,56 tỷ USD, qua đó củng cố năng lực sản xuất và xuất khẩu; bất động sản và điện theo sau. Singapore, Trung Quốc, Hồng Kông dẫn đầu dòng vốn mới, phù hợp xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng. Song song, đầu tư ra nước ngoài đạt 846,8 triệu USD, gấp 4,5 lần, cho thấy vai trò khu vực ngày càng lớn của doanh nghiệp Việt.



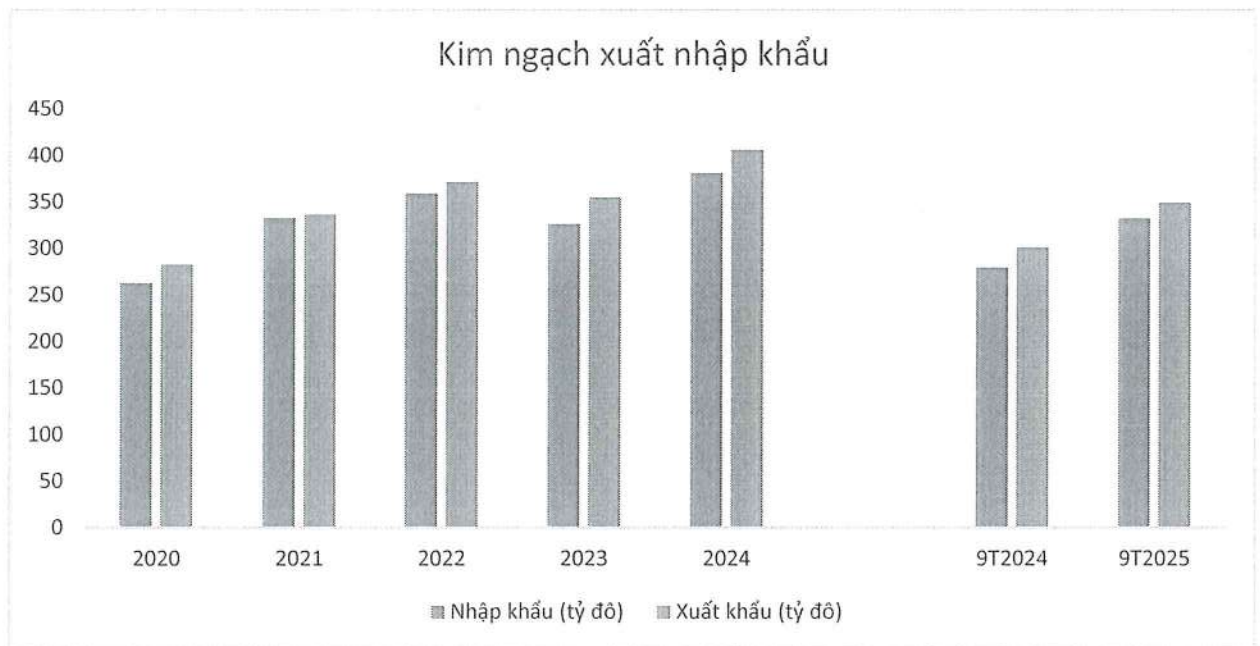
Nguồn: FiinPro

PMI 9T2025 - sản xuất cải thiện nhẹ nhưng áp lực chi phí gia tăng:

Trong 9 tháng đầu năm 2025, PMI sản xuất Việt Nam dao động quanh ngưỡng 50, cho thấy mở rộng nhẹ nhưng chưa bền vững; riêng tháng 9 đạt 50,4 - tháng thứ ba liên tiếp cải thiện nhờ đơn hàng nội địa tăng trở lại, trong khi đơn hàng xuất khẩu vẫn giảm song tốc độ giảm đã chậm lại. Sản lượng và hoạt động mua hàng nhích lên, nhưng doanh nghiệp tiếp tục cắt giảm nhân sự; tồn kho nguyên liệu và thành phẩm giảm, phản ánh chiến lược sản xuất linh hoạt, thận trọng. Thời gian giao hàng kéo dài tháng thứ 13 do khan hiếm hàng và hạn chế logistics, cho thấy chuỗi cung ứng chưa bình thường hóa. Áp lực giá tăng rõ rệt: chi phí đầu vào cao nhất từ giữa 2024 kéo giá bán ra lên mức cao nhất 14 tháng, chủ yếu do biến động tỷ giá và giá nguyên liệu nhập khẩu; điều này có thể thu hẹp biên lợi nhuận và gây rủi ro lan tỏa sang CPI nếu kéo dài.

Xuất nhập khẩu 9T2025 - động lực tăng trưởng với tín hiệu phục hồi công nghiệp rõ nét:

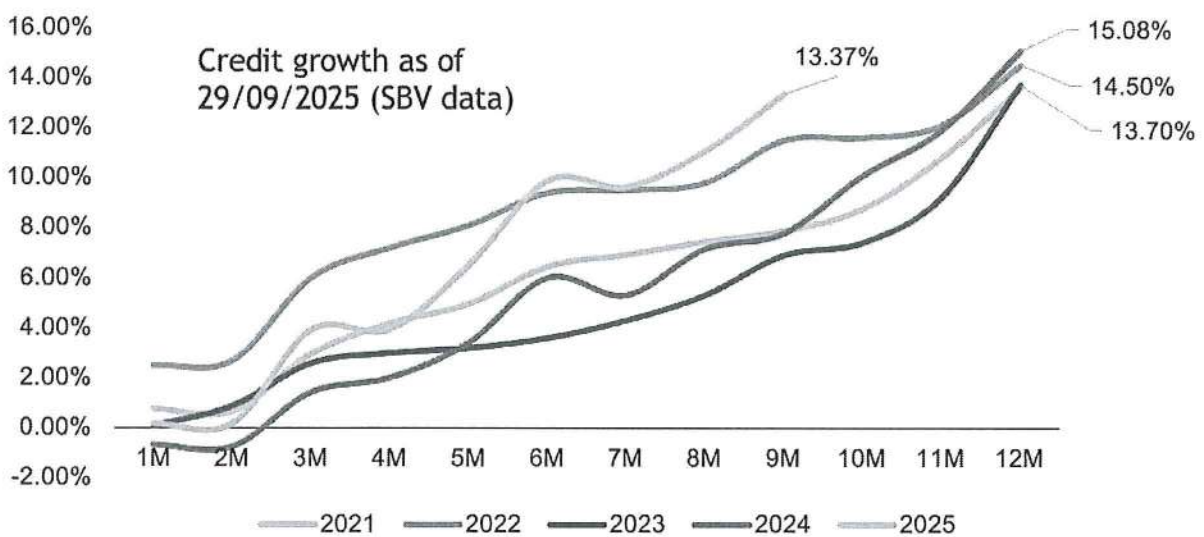
Trong 9 tháng đầu năm 2025, xuất nhập khẩu tiếp tục là điểm sáng của nền kinh tế Việt Nam, phản ánh sự phục hồi mạnh của hoạt động thương mại và sản xuất công nghiệp. Tổng kim ngạch đạt 680,6 tỷ USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ, trong đó xuất khẩu đạt 348,7 tỷ USD (tăng 16%yoy) và nhập khẩu đạt gần 332 tỷ USD (tăng 18,8%yoy), giúp duy trì thặng dư thương mại 16,8 tỷ USD. Mặc dù tốc độ tăng nhập khẩu cao hơn xuất khẩu có thể gây sức ép tạm thời lên cán cân thương mại, song đây là tín hiệu tích cực về sự hồi phục của hoạt động sản xuất và đầu tư. Với nền tảng này, Bộ Công Thương dự báo kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2025 có thể đạt xấp xỉ 900 tỷ USD, thặng dư trên 20 tỷ USD, nhờ các biện pháp đa dạng hóa thị trường, đẩy mạnh FTA mới (Mercosur, GCC, EFTA) và phân cấp cấp C/O về địa phương nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, giảm chi phí logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu.



Nguồn: FiinPro

Tín dụng 9T2025 - đà mở rộng đi kèm tái hướng vốn vào động lực tăng trưởng:

Tính đến 29/9/2025, dư nợ tín dụng đạt khoảng 17,71 triệu tỷ đồng, tăng 13,37% so với cuối 2024 và tăng đều qua các tháng, cho thấy định hướng nói lỏng nhằm hỗ trợ tăng trưởng đi kèm cải thiện hấp thụ vốn. Điểm nổi bật là “chất” phân bổ: khoảng 78% tín dụng chảy vào sản xuất-kinh doanh, vừa bồi đắp năng lực cung (công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao), vừa giữ nhịp cầu nội địa (thương mại-dịch vụ), phù hợp mục tiêu tái cơ cấu và lan tỏa sang việc làm, đầu tư tư nhân. Các chương trình mục tiêu (nông-lâm-thủy sản, NOXH, SME) đóng vai trò “điểm rơi” chính sách, trong khi đề xuất hỗ trợ lãi suất 2%/năm cho dự án xanh/tuần hoàn theo ESG nếu triển khai sẽ nâng năng suất vốn, giảm rủi ro khí hậu-năng lượng và cải thiện cân đối vĩ mô trung hạn. Ở chiều rủi ro, nhịp mở rộng nhanh đòi hỏi giám sát kênh tài sản (BDS, tài chính) để tránh khuếch đại chu kỳ giá và áp lực lạm phát kỳ vọng; với tỷ giá còn nhạy cảm trước dòng vốn, điều hành cân bằng tăng trưởng và ổn định, ưu tiên tín dụng sản xuất, siết lĩnh vực rủi ro và số hóa quy trình để nâng hiệu quả phân bổ vốn.



Nguồn: HDCap tổng hợp

VND giảm giá dù USD yếu cho thấy độ nhạy cao với dòng vốn ngoại; Fed nói lỏng giúp hạ áp lực tỷ giá nhưng rủi ro biến động vẫn cần giám sát chặt:

Đồng VND đã giảm khoảng 3,4% so với USD tính đến giữa tháng 9/2025, trái ngược với xu hướng giảm giá của đồng USD trên toàn cầu (DXY giảm 10,4%). Diễn biến này phản ánh lo ngại về dòng vốn rút ròng từ nhà đầu tư nước ngoài và sự nhạy cảm của thị trường tài chính Việt Nam với biến động bên ngoài. Tuy vậy, xu hướng này có thể hạ nhiệt khi Fed bước vào chu kỳ nói lỏng, góp phần ổn định thị trường ngoại hối và hỗ trợ chính sách tiền tệ nói lỏng của NHNN. Chi phí vốn thấp sẽ thúc đẩy đầu tư và làm tăng sức hấp dẫn của thị trường chứng khoán. Dù vậy, rủi ro dòng vốn và tỷ giá vẫn hiện hữu nếu khối ngoại tiếp tục rút ròng mạnh hoặc Fed thay đổi định hướng chính sách. Ngoài ra, tăng trưởng tín dụng dự kiến đạt 18-20% năm 2025 giúp hỗ trợ kinh tế nhưng có thể khiến dòng vốn lệch hướng sang tài sản đầu cơ, tiềm ẩn nguy cơ bong bóng giá và gia tăng kỳ vọng lạm phát trong trung dài hạn.

Nâng hạng FTSE là cú huých thể chế và dòng vốn, cải thiện thanh khoản-định giá ngắn hạn đồng thời hạ chi phí vốn và nâng chuẩn quản trị về dài hạn:

Sáng 08/10/2025, FTSE Russell nâng hạng Việt Nam từ cận biên lên mới nổi thứ cấp, hiệu lực 21/9/2026 và phụ thuộc đánh giá tạm thời tháng 3/2026. Quyết định dựa trên loạt cải cách: thử nghiệm KRX, khắc phục DvP và xử lý giao dịch thất bại, đồng thời tiếp tục cải thiện tiếp cận của môi giới toàn cầu. Nâng hạng mở cửa dòng vốn thụ động và chủ động theo FTSE Emerging Markets, tăng thanh khoản và định giá, thúc đẩy chuẩn quản trị-minh bạch, hướng tới IFRS và phát triển thị trường vốn đa tầng. Ở tầm vĩ mô, sự kiện giúp giảm chi phí vốn, nâng uy tín quốc gia, hỗ trợ thu hút FDI và làm tăng tỷ trọng nhà đầu tư tổ chức; tuy nhiên, cần duy trì tiến độ cải cách để bảo đảm tái phân loại đúng kế hoạch.

❖ Thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam bước vào năm 2025 với tâm thế tích cực, kỳ vọng mở sang một chu kỳ tăng trưởng mới sau giai đoạn tái cơ cấu hậu Covid. Tuy nhiên, đầu quý II, thông tin Mỹ áp thuế thương mại lên Việt Nam đã kích hoạt nhịp điều chỉnh nhanh; VN-Index lùi khoảng 20% trong thời gian ngắn, phản ánh rủi ro thương mại và địa chính trị gia tăng.

Từ đáy tháng 4, xu hướng đảo chiều rõ rệt: trong quý II,III, chỉ số tăng tốc, phục hồi khoảng 55% và đến giữa tháng 9 đạt quanh 1.684 điểm, tương ứng tăng trưởng 33% so với đầu năm, đánh dấu năm tăng điểm thứ ba liên tiếp và củng cố trạng thái “bull market”. Động lực chủ đạo là nền tảng vĩ mô cải thiện (tăng trưởng cao, mặt bằng lãi suất thấp, tiến trình cải cách), kỳ vọng nâng hạng FTSE kích hoạt dòng tiền đón đầu, cùng với thanh khoản nội địa dồi dào nhờ đẩy mạnh đầu tư công và điều kiện tín dụng thuận lợi. Trái chiều, khối ngoại rút ròng mạnh trong 3 quý đầu năm, đỉnh điểm tháng 8 bán ròng kỷ lục, một phần do các thương vụ thoái vốn lớn, cho thấy yếu tố chốt lời/tái cơ cấu khi định giá đi lên. Vai trò hấp thụ của nhà đầu tư trong nước, hiện chiếm trên 90% giá trị giao dịch, giúp duy trì đà tăng và mở rộng độ sâu thị trường.

Bước ngoặt mới xuất hiện khi FTSE Russell chính thức công bố nâng hạng Việt Nam lên nhóm “mới nổi thứ cấp” (hiệu lực 21/9/2026, kèm rà soát tháng 3/2026). Sự kiện này vừa xác nhận thành quả cải cách hạ tầng và khung pháp lý, vừa tạo cú hích về tâm lý, thanh khoản và định giá. Ngay sau thông báo, VN-Index ghi nhận tuần tăng mạnh nhất từ đầu năm, vượt 1.740 điểm với độ lan tỏa tốt ở ngân hàng, bất động sản, bán lẻ và nhóm hưởng lợi đầu tư công; nhiều mã dẫn dắt tăng trên 20% trong tuần. Các tổ chức phân tích (AIS, CSI, VCBS, SHS) đồng thuận với kịch bản xu hướng tăng tiếp diễn, chỉ số có thể hướng tới 1.760-1.800 điểm nhờ kỳ vọng dòng vốn theo chỉ số và kết quả kinh doanh quý III khởi sắc. Về cấu trúc, dòng tiền nội vẫn là trụ cột, trong khi kỳ vọng dòng ETF/quỹ chủ động toàn cầu đón đầu nâng hạng có thể cải thiện hành vi của khối ngoại. Về chiến lược, nâng hạng không chỉ là hiệu ứng ngắn hạn mà còn giúp tái định vị thị trường vốn Việt Nam, giảm chi phí vốn, nâng chuẩn minh bạch và hỗ trợ một chu kỳ tăng trưởng bền vững hơn.

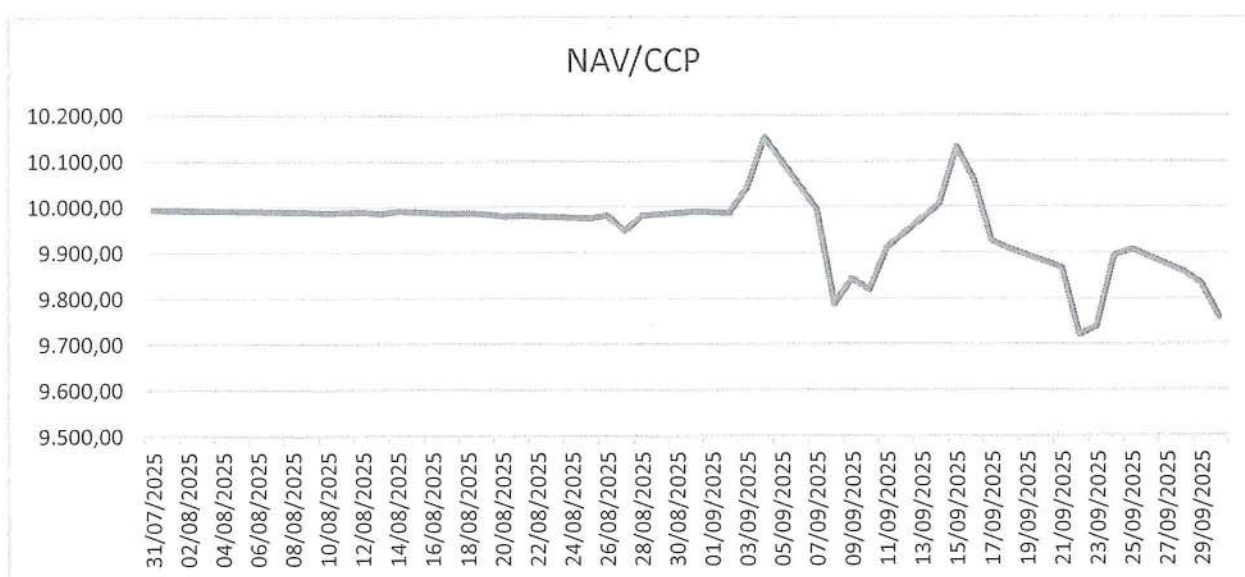
IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ:

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
A	1	2	3
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	-	-	-

Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	-	-	-
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	-	-	-2,41
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	-	-	-0,84
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	-	-	-
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	-	-	-

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ từ khi thành lập đến Q3/2025:



• Thay đổi giá trị tài sản ròng.

Chỉ tiêu	30/09/2025	30/09/2024	Tỷ lệ thay đổi
A	1	2	3=((1)-(2))/(2)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	49.246.353.725	-	N/A
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	9.759,45	-	N/A

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu tăng trưởng Ròng Vàng (GDEGF) được UBCKNN cấp phép hoạt động từ ngày 22/07/2025 nên đến thời điểm hiện tại chưa có số liệu để thuyết minh về sự tăng giảm quy mô quỹ.

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm 30/09/2025:

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
A	1	2	3
Dưới 5000	130	26.020	0,52
Từ 5000 – 10.000	0	0	0
Từ 10.000 đến 50.000	2	20.000	0,40
Từ 50.000 đến 500.000	0	0	0
Trên 500.000	1	5.000.000	99,09
Tổng cộng	133	5.046.020	100

3. Chi phí ngậm và giảm giá: Không có

V. Thông tin về triển vọng thị trường:

Trong Quý III/2025, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục thể hiện khả năng vượt qua thách thức và duy trì đà tăng trưởng ấn tượng. GDP tăng 8,23% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh sức bật mạnh mẽ của các lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu và tiêu dùng nội địa, bất chấp những khó khăn từ biến động thuế quan và môi trường thương mại quốc tế.

Lạm phát cơ bản trong quý đạt 3,27%, đưa mức lạm phát bình quân 9 tháng xuống còn 3,19%, thấp hơn tương đối so với mục tiêu điều hành. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã có những biện pháp can thiệp kịp thời, góp phần ổn định tỷ giá và duy trì chính sách tiền tệ theo hướng nói lỏng, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và thị trường tài chính.

Trên thị trường chứng khoán, chỉ số VN-Index khép lại Quý III ở 1.662 điểm, tăng mạnh 20,8% so với cuối Quý II/2025 – một mức tăng đáng chú ý trong bối cảnh khu vực còn nhiều biến động. Với nền tảng vĩ mô tích cực và sự kiện Việt Nam được FTSE nâng hạng lên thị trường mới nổi, HD Capital kỳ vọng thị trường sẽ tiếp tục duy trì xu hướng tích cực trong Quý IV/2025, mở ra cơ hội tăng trưởng hấp dẫn cho nhà đầu tư.

VI. Thông tin khác:

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ:

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Nhân sự điều hành Quỹ	Nguyễn Thành Long	Tổng Giám đốc	- Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh; - Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.	- Từ 11/2017 đến 01/2020: CTCP Chứng khoán Eurocapital; - Từ 02/2020 đến 10/2021: CTCP Chứng khoán HD; - Từ 12/2021 đến nay: CTCP Quản lý quỹ HD.
	Lý Minh Dũng	Chuyên viên đầu tư	- Thạc sĩ Tài chính; - Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ	- Từ 11/2009 đến 04/2011: CT TNHH Chứng khoán ACB; - Từ 05/2011 đến 02/2014: Ngân hàng TMCP ACB; - Từ 03/2014 đến 05/2019: CTCP Chứng khoán TPHCM; - Từ 06/2019 đến 10/2020: Ngân hàng Royal Bank Of Canada; - Từ 11/2020 đến 11/2023: CTCP Chứng khoán Tp.HCM; - Từ 12/2023 đến 07/2024: Ngân hàng TNHH CTBC chi nhánh Tp.HCM; - Từ 07/2024 – nay: Công ty Cổ phần QLQ HD.
	Lê Thanh Hòa	Chuyên viên Phân tích Đầu tư	- Cử nhân Chương trình Điện tử Viễn thông tại Học viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông; - Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ; - Chứng chỉ CFA	- Từ 05/2017 – 05/2018: Chuyên viên phân tích, CTCP Chứng khoán Bảo Việt - Từ 06/2018 – 02/2024: Trưởng nhóm phân tích và quản lý danh mục, CTCP Chứng khoán Bảo Việt - Từ 03/2024 – 01/2025: Trưởng phòng quản lý danh mục, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư SGI - Từ 04/2025 – nay: Chuyên viên phân tích đầu tư, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ HD.
Ban đại diện Quỹ	Trương Thành Long	Chủ tịch	- Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh; - Cử nhân Kế toán	- Từ 2001 – 2003: Công ty Cổ phần Trường Thọ - Từ 2004 - 6/2005: Công ty Sản xuất Minh Yến

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
				- Từ 7/2005 – hiện tại: Công ty TNHH Địa ốc Phú Long - Từ 2017 đến nay: Công ty Cổ phần Đầu tư Tập Đoàn KLC
	Đặng Thị Hương Giang	Thành viên	- Thạc sĩ Quản lý Kinh tế; - Cử nhân Kinh tế.	- Từ 01/2001 – 12/2011: Kiểm toán nhà nước khu vực phía Nam (nay là Kiểm toán nhà nước KV IV) - Từ 01/2022 – 04/2024: Ngân hàng BIDV - Từ 04/2024 – hiện tại: Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Việt Long
	Bùi Trọng Nghĩa	Thành viên	- Cử nhân Kinh tế - Phát triển Doanh nghiệp dầu khí; - Cử nhân Ngôn ngữ Anh; - Chứng chỉ hành nghề môi giới chứng khoán; - Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.	- Từ 08/2014 – 09/2015: Công Ty CP Chứng khoán Tp.HCM – HSC - Từ 10/2015 – 04/2017: Công Ty CP Chứng khoán KIS Việt Nam - KIS - Từ 06/2017 – 10/2017: Công Ty CP Chứng khoán Sài Gòn – SSI - Từ 11/2017 – 11/2018: Công Ty CP Tập đoàn Đông Thiên Phú - Từ 11/2018 – 11/2019: Công Ty CP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam - Từ 01/2020 – 10/2021: Công Ty CP Chứng khoán Everest - Từ 11/2021 – Nay: Công Ty CP Công nghệ Fialda - Từ 07/2023 – Nay: Công Ty CP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam.
	Trương Hữu Ngữ	Thành viên	- Luật sư, Thạc sĩ luật.	- Từ 07/2008 – 07/2011: Công ty luật Logos Attorneys at Law; - Từ 08/2011 – 06/2019: Công ty luật Nishimura & Asahi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam;

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
				- Từ 09/2019 - 04/2019: Đại học Pennsylvania, Philadelphia, Hoa Kỳ; - Từ 06/2022 – 12/2022: Công ty luật Nishimura & Asahi, Tokyo, Japan; - Từ 02/2023 - 02/2024: Công ty luật Indochine Counsel; - Từ 02/2024 đến nay: Công ty luật Vilasia.
Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ	Nguyễn Thành Long	Tổng Giám đốc	- Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh; - Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.	- Từ 11/2017 đến 01/2020: CTCP Chứng khoán Eurocapital; - Từ 02/2020 đến 10/2021: CTCP Chứng khoán HD; - Từ 12/2021 đến nay: CTCP Quản lý quỹ HD.

TP. HCM, ngày 17 tháng 10 năm 2025



NGUYỄN THÀNH LONG